TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: 65/2019/DS-ST.
Ngày: 08/10/2019.
V/v: "T/c hợp đồng vay tài sản".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn An**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Thanh Bình

2. Bà Phạm Hồng Gái

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** – Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa*:** Ông **Nguyễn Minh Hậu** – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 267/2016/TLST- DS ngày 19 tháng 12 năm 2016 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản";* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2019/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 62/2019/QĐST-DS ngày 25/9/2019 giữa:

1/ Nguyên đơn: Ông **S**, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Ranh Hạt, xã BG, huyện HĐ, tỉnh KG.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Sáu: Luật sư **V D H** – Văn phòng luật sư Diệu Hải và cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2/ Bị đơn: - Bà **Bùi Thị N**, sinh năm 1963 (có mặt).

- Bà **Bùi Thị H**, sinh năm 1972 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Ranh Hạt, xã BG, huyện HĐ, tỉnh KG.

3/ Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1958 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Ranh Hạt, xã BG, huyện HĐ, tỉnh KG.

- Ông **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Ranh Hạt, xã BG, huyện HĐ, tỉnh KG.

- Bà **Lâm Thị M**, sinh năm 1965 (có mặt).

- Chị **Trần Thị Đ**, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Ranh Hạt, xã BG, huyện HĐ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/9/2016 nguyên đơn ông S trình bày như sau:*

Trước đây vào ngày 09/12/2011 do là chỗ quen biết nên bà Bùi Thị N và bà Bùi Thị H có đến hỏi vay của ông S số tiền gốc là 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 4%/tháng; các bên thỏa thuận thời hạn đến hạn thanh toán là ngày 09/02/2012. Khi vay tiền phía bà N và bà H có ký hợp đồng thế chấp một giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất bản chính số AK938282 được UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 05/8/2009 mang tên Bùi Thị H. Từ khi vay phía bà N chỉ đóng lãi được 3 tháng với số tiền là 24.000.000 đồng, còn tiền gốc thì đến nay chưa trả được. Do đó ông S yêu cầu bà Bùi Thị N và bà Bùi Thị H phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Sáu số tiền gốc còn nợ là 200.000.000 đồng và tiền lãi là 112.000.000 đồng (200.000.000đ x 1% x 56 tháng). Tổng cộng số tiền gốc và lãi là 312.000.000 đồng và yêu cầu phía bà N, bà H phải trả lãi phát sinh tính từ tháng 8/2016 đến khi trả xong số nợ trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án phía ông S rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu phía bà Bùi Thị N và bà Bùi Thị H phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Sáu số tiền gốc còn nợ là 200.000.000 đồng, đối với số tiền lãi ông Sáu không yêu cầu phía bà N và bà H phải trả lãi nữa.

Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, phía ông S thay đổi yêu cầu khởi kiện. Ông yêu cầu phía bà Bùi Thị N, bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Văn K phải có trách nhiệm cùng nhau liên đới trả cho ông số tiền gốc 200.000.000 đồng, ông không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra ông không yêu cầu gì thêm.

** Tại các bản khai và tại phiên tòa bà Bùi Thị N trình bày như sau:*

Bà Bùi Thị N thừa nhận trước đây có cùng bà Bùi Thị H (là em ruột) đến vay của ông S số tiền gốc là 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 4%/tháng, thời hạn vay là 2 tháng tính từ ngày vay đến ngày 09/02/2012. Khi vay bà N là người trực tiếp nhận tiền của ông Sáu, để đảm bảo khoản vay này thì bà và bà H có ký hợp đồng thế chấp vào ngày 09/12/2011 và giao cho ông Sáu một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính số AK938282 được UBND huyện Hòn Đất cấp ngày 05/8/2009 mang tên Bùi Thị H. Tuy nhiên bà H chỉ ký tên vào hợp đồng thế chấp giấy đất thôi chứ

không có nhận tiền. Từ khi vay tiền của ông Sáu thì bà N có đóng lãi được rất nhiều lần chứ không phải chỉ có ba lần như ông Sáu trình bày, tuy không có biên nhận về việc nhận lãi và ông Sáu cũng không thừa nhận nhưng bà N có ghi lại tự theo dõi, còn gốc thì đến nay vẫn chưa trả được do hoàn cảnh gặp khó khăn.

Tại phiên tòa hôm nay phía ông S yêu cầu bà H, bà N và ông K cùng có trách nhiệm trả số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi thì bà N không đồng ý. Bà chỉ đồng ý là người đứng ra trả số nợ gốc này cho ông S và xin trả dần mỗi vụ lúa 10.000.000 đồng đến khi hết nợ. Đối với việc ông Sáu yêu cầu bà H và ông K phải có trách nhiệm liên đới trả nợ thì bà N không đồng ý bởi vì bà là người đứng ra vay số tiền này, phía bà H và ông K không nhận tiền nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra bà không trình bày gì thêm.

** Tại các bản khai và tại phiên tòa bà Bùi Thị H trình bày như sau:*

Bà Bùi Thị H thừa nhận trước đây có cùng bà Bùi Thị N (là chị ruột) đến vay của ông S số tiền là 200.000.000 đồng. Để đảm bảo cho khoản vay này thì bà H có giao cho ông Sáu một giấy chứng nhận QSD đất bản chính số AK 938282 mang tên bà H và ký hợp đồng thế chấp với ông S. Tuy nhiên toàn bộ số tiền này là vay cho bà N và bà N là người nhận tiền, trả lãi cho ông Sáu. Bà H không đứng ra nhận số tiền gốc này.

Nay ông S yêu cầu bà H, ông K và bà N phải có trách nhiệm cùng trả số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng thì bà H không đồng ý. Do mọi giao dịch đều do bà N thực hiện với ông Sáu, tiền vay này là vay cho bà N, bà N nhận và tự đóng lãi cho ông Sáu, bà H chỉ cho bà N mượn giấy chứng nhận QSD đất mà thôi nên số tiền vay này bà N phải tự chịu trách nhiệm trả, bà H không đồng ý liên đới trả số tiền này cùng bà N. Ngoài ra không trình bày gì thêm.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V và Nguyễn Văn K và chị Trần Thị Đ:* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án huyện Hòn Đất đã triệu tập các đương sự hợp lệ rất nhiều lần nhưng các đương sự vẫn vắng mặt nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

** Ý kiến phát biểu của vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:* Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Bùi Thị N, ông Nguyễn Văn K và bà Bùi Thị H phải cùng liên đới trả cho ông S số tiền vay gốc còn nợ là 200.000.000 đồng. Bởi lẽ theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện việc bà N cùng với bà H đến nhà của ông Sáu để vay số tiền gốc 200.000.000 đồng, phía bà H cũng giao giấy chứng nhận QSD đất

bản chính số AK 938282 mang tên bà H để làm tin ký hợp đồng thế chấp vay tiền của ông S. Đồng thời tại phiên tòa hôm nay phía bà N cũng thừa nhận vay tiền về để phục vụ mục đích kinh doanh, mua bán phân bón, ông K - chồng bà N cũng biết việc bà N vay số tiền này của ông Sáu.

** Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất , tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Bùi Thị H và bà Bùi Thị N phải có nghĩa vụ liên đới cùng trả cho ông S số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng. Đồng thời buộc các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn ông S với bị đơn bà Bùi Thị N và bà Bùi Thị H. Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn Văn V và chị Trần Thị Đ đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Theo lời khai của các đương sự cho thấy trước đây vào ngày 09/12/2011 bà Bùi Thị H và bà Bùi Thị N có thế chấp giấy chứng nhận QSD đất bản chính số AK 938282 mang tên bà H để vay của ông S số tiền gốc là 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng, lãi suất thỏa thuận là 4%/tháng, thời hạn trả nợ là ngày 09/02/2012 là đúng sự thật, được các bên thừa nhận.

Xét về hợp đồng thế chấp giữa các đương sự: Việc ông S là cá nhân nhưng nhận thế chấp tài sản của cá nhân là chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Do ông Sáu không có chức năng nhận thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và hợp đồng thế chấp tài sản giữa các bên cũng không đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định về việc thế chấp quyền sử dụng đất nên hợp đồng thế chấp đề ngày 09/12/2011 giữa các đương sự là vô hiệu. Việc ông Sáu nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên của bà Bùi Thị H là nhằm để làm tin đối với khoản vay của bà Bùi Thị N. Do đó cần buộc ông S phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính số AK 938282 được Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đất cấp ngày 05/8/2009 mang tên bà Bùi Thị H cho bà H.

Hội đồng xét xử nhận thấy: việc vay tiền tuy các bên không có lập hợp đồng vay tiền cụ thể nhưng các bên có lập hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, trong hợp đồng thế chấp đều thể hiện việc bà Bùi Thị N và bà Bùi Thị H có ký tên để vay của ông S số tiền là 200.000.000 đồng, bà N và bà H đều thừa nhận có ký tên vào hợp đồng thế chấp này. Đây là cơ sở để chứng minh cho việc bà N và bà H có vay tiền của ông Sáu, hợp đồng thế chấp này có thể thay thế cho hợp đồng vay tiền giữa các bên. Tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản như sau: *"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định".*

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà Bùi Thị H thừa nhận vào ngày 09/12/2011 bà cùng với bà N đến nhà ông S để vay số tiền 200.000.000 đồng, các bên có làm hợp đồng thế chấp giấy chứng nhận QSD đất vào ngày 09/12/2011 và bà có giao giấy chứng nhận QSD đất bản chính số AK 938282 mang tên bà để đảm bảo cho khoản vay của bà Bùi Thị N. Nhưng bà cho rằng toàn bộ số tiền này đều do bà N nhận, việc ông Sáu yêu cầu bà cùng liên đới trả số nợ trên với bà N thì bà H không đồng ý. Hội đồng xét xử nhận thấy, tuy hợp đồng thế chấp giữa các bên vô hiệu nhưng việc bà Bùi Thị H dùng tài sản của bà giao cho ông S để đảm bảo khoản vay 200.000.000 đồng của bà Bùi Thị N là có và các bên cũng thừa nhận việc này nên bà Bùi Thị H cũng phải chịu trách nhiệm với khoản vay của bà N với ông Sáu. Do đó cần buộc bà Bùi Thị N và bà Bùi Thị H phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông S số tiền vay gốc 200.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ông S thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông yêu cầu ông Nguyễn Văn K phải có trách nhiệm liên đới với bà N, bà H để trả số nợ gốc 200.000.000 đồng cho ông. Hội đồng xét xử nhận thấy: theo đơn khởi kiện đề ngày 01/9/2016 ông Sáu chỉ khởi kiện bà N, bà H phải có trách nhiệm liên đới trả số nợ gốc 200.000.000 đồng và trong quá trình giải quyết vụ án phía ông S đều không có đơn khởi kiện bổ sung, ông cũng không có yêu cầu gì đối với việc buộc ông Nguyễn Văn K phải liên đới trả cho ông số tiền gốc này. Mặt khác yêu cầu thay đổi nội dung khởi kiện này của ông S là vượt quá yêu cầu khởi kiện nên do đó không được hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa bà Bùi Thị N thừa nhận còn nợ ông S số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng, bà N đồng ý trả toàn số nợ này, do số tiền trên là vay cho bà N nhưng xin được trả dần mỗi vụ lúa 10.000.000 đồng đến khi hết số nợ và xin miễn lãi do điều kiện kinh tế khó khăn.

Xét yêu cầu xin được trả dần của phía đồng bị đơn anh Nam và chị Nhi. Căn cứ vào mục 1 phần III Thông tư liên tịch số 01 ngày 19/6/1997 của TANDTC - VKSNDTC- Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính hướng dẫn về việc xét xử và thi hành án về tài sản quy định "…Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành …". Đồng thời tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn cũng không đồng ý cho phía bị đơn được trả dần do đó HĐXX không xem xét.

Từ những lập luận và viện dẫn nêu trên xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông S là có cơ sở để được HĐXX xem xét chấp nhận một phần. Do đó buộc bà Bùi Thị N phải trả cho ông S số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng. Trong trường hợp bà Bùi Thị N không trả được số tiền trên cho ông S thì buộc bà Bùi Thị H phải trả số tiền trên cho ông S.

Đối với số tiền lãi, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phía nguyên đơn rút lại phần yêu cầu này. Xét thấy, việc rút lại yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền lãi của phía nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền lãi này.

Đối với ý kiến phát biểu của Vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn. Từ những nhận định và phân tích ở trên xét thấy lời đề nghị của Vị luật sư chỉ có cơ sở để được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một phần.

Ý kiến phát biểu của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất là có cơ sở để được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận trong quá trình nghị án.

[3] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý

và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc bà Bùi Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả lại cho ông S toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.800.000 đồng theo biên lai thu số 0002928 ngày 19/12/2016 của Chi cục Thi hành án huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 117, Điều 119, Điều 122, Điều 317, Điều 318, Điều 463 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông S. Buộc bà Bùi Thị N phải trả cho ông S số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Trường hợp bà Bùi Thị N không trả được số tiền trên cho ông S thì bà Bùi Thị H phải trả số tiền 200.000.000 đồng cho ông S.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi do phía nguyên đơn rút yêu cầu.

3. Tuyên bố hợp đồng thế chấp tài sản đề ngày 09/12/2011 giữa bà Bùi Thị N, Bùi Thị H và ông S là vô hiệu. Buộc ông S phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính số AK 938282 được Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 05/8/2009 mang tên bà Bùi Thị H cho bà Bùi Thị H.

4. Về án phí DSST: Buộc bà Bùi Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật là 10.000.000 đồng. Tuy nhiên do bà N có đơn xin miễn giảm tiền án phí do hoàn cảnh gia đình hiện tại rất khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương nên HĐXX xem xét giảm 50% tiền án phí cho bà. Theo đó bà

Bùi Thị N còn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Hoàn trả lại cho ông S toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.800.000 đồng theo biên lai thu số 0002928 ngày 19/12/2016 của Chi cục Thi hành án huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Văn An